**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN LỊCH SỬ K.10**

**BÀI 14 – 15 : VĂN MINH ĐẠI VIỆT**

**a) Nhận biết**

Câu 1: Dưới triều đại nhà Lê sơ, bộ luật nào được ban hành?

A. Hình luật. B. Hình thư.

C. Quốc triều hình luật D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 2: Triều đại nào mở đầu cho thời đại phong kiến độc lập của dân tộc ta?

A. Triều Tiền Lý. B. Triều Ngô. C. Triều Lê. D. Triều Nguyễn.

Câu 3: Các nhà nước phong kiến Việt Nam được xây dựng theo thể chế:

A. Quân chủ lập hiến.

 B. Chiếm hữu nô lệ.

C. Dân chủ chủ nô.

D. Quân chủ chuyên chế.

Câu 4. Bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt (Hình thư) được ban hành dưới thời

A. Lý. B. Trần. C. Lê sơ. D. Lê Trung hưng.

Câu 5. Dưới thời Lê sơ, hệ tư tưởng nào giữ địa vị độc tôn ở Đại Việt?

A. Phật giáo. B. Nho giáo.

C. Thuyết luân hồi. D. Thuyết nhân quả.

Câu 6. Bộ luật nào dưới đây được ban hành dưới thời Nguyễn?

A. Hoàng việt luật lệ. B. Quốc triều hình luật. C. Hình luật. D. Hình thư.

Câu 7. Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ nền văn minh nào dưới đây?

A. Văn minh sông Mã.

B. Văn minh phương Đông.

C. Văn minh phương Tây.

D. Văn minh Việt cổ.

Câu 8. Bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền của Đại Việt được hoàn chỉnh dưới triều đại nào?

 A. Thời Lý. B. Thời Trần. C. Thời Lê sơ. D. Thời Hồ.

Câu 9. Trung tâm chính trị - văn hóa và đô thị lớn nhất Đại Việt trong các thế kỷ X-XV là

 A. Phố Hiến. B. Thanh Hà. C. Thăng Long. D. Hội An.

Câu 10. “Tam giáo đồng nguyên” là sự hòa hợp của của các tôn giáo nào sau đây?

 A. Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo.

B. Phật giáo - Nho giáo - Thiên Chúa giáo.

 C. Phật giáo - Đạo giáo - Tín ngưỡng dân gian.

D. Nho giáo - Phật giáo - Ấn Độ giáo.

Câu 11. Chữ Nôm trở thành chữ viết chính thống dưới triều đại phong kiến nào của nước ta?

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Lê sơ. D. Tây Sơn.

Câu 12. Việc cho dựng bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử giám thể hiện chính sách nào sau đây của các triều đại phong kiến Việt Nam?

A. Nhà nước coi trọng giáo dục, khoa cử.

B. Ghi danh những anh hùng có công với nước.

C. Ghi lại tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

D. Đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp.

Câu 13. Văn minh Đại Việt còn có tên gọi khác là

A. văn minh Việt cổ.

B. văn minh sông Mã.

C. văn minh sông Hồng.

 D. văn minh Thăng Long.

Câu 14. Cho đến nay, quốc hiệu tồn tại lâu dài nhất của Việt Nam là

A. Vạn An. B. Đại Nam. C. Vạn Xuân. D. Đại Việt.

Câu 15. Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc từ nền văn minh Ấn Độ các thành tựu về

A. tôn giáo (Phật giáo), nghệ thuật, kiến trúc

B. chữ La-tinh, thể chế chính trị, luật pháp

C. tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử

D. tôn giáo (Công giáo), chữ viết, luật pháp

**b) Thông hiểu**

Câu 16. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đại Việt

A. có sự giao lưu với văn minh phương Tây.

B. có những dấu hiệu trì trệ và lạc hậu.

C. phát triển mạnh mẽ và toàn diện.

D. bước đầu được định hình.

Câu 17. Việc nhà nước Lê đặt lệ xướng danh và khắc tên các tiến sĩ vào bia đá ở Văn Miếu đã thể hiện chính sách nào?

A. Trọng dụng nhân tài.

B. Trọng nông, ức thương.

C. Yêu nước, thương dân.

D. Đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt?

A.Kế thừa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

B. Tiếp thu chọn lọc từ thành tựu của các nền văn minh bên ngoài.

C. Đạo giáo là tư tưởng chính thống trong suốt các triều đại phong kiến.

D. Dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt

Câu 19. Đặc điểm của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX là:

A. Văn học chữ Hán phát triển hơn văn học chữ Nôm.

B. Văn học chữ Nôm phát triển lấn át văn học chữ Hán.

C. Văn học chữ Hán và chữ Nôm suy tàn.

D. Phát triển văn học viết bằng chữ Quốc Ngữ.

Câu 20. Đầu thế kỉ X là giai đoạn văn minh Đại Việt :

A. có sự giao lưu với văn minh phương Tây.

B. có những dấu hiệu trì trệ và lạc hậu.

C. phát triển mạnh mẽ và toàn diện.

D. bước đầu được định hình.

Câu 21. Văn học chữ Nôm ra đời có ý nghĩa nào sau đây?

A. Thể hiện sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý-Trần.

B. Vai trò của việc tiếp thu văn hóa Ấn Độ vào Đại Việt.

C. Thể hiện sự sáng tạo, tiếp biến văn hóa của người Việt.

D. Ảnh hưởng của việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là **một trong** những cơ sở của việc hình thành nền văn minh Đại Việt là:

A. Có cội nguồn từ các nền văn minh lâu đời tồn tại trên đất nước Việt Nam.

B. Hình thành từ việc lưu truyền các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

C. Có nguồn gốc từ việc tiếp thu hoàn toàn văn minh bên ngoài.

D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Ai Cập qua ngàn năm Bắc thuộc.

Câu 23. Sự tiếp thu có sáng tạo văn minh Trung Hoa của người Việt được thể hiện thông qua thành tựu nào dưới đây?

A. Chữ Nôm. B. Chữ Quốc ngữ.

C. Tín ngưỡng thờ Mẫu. D. Chùa Cầu (Quảng Nam).

**c) Vận dụng**

Câu 24. Nhận xét nào sau đây là **không** đúng khi nói về tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến thời Đinh-Tiền lê?

A. Tổ chức theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

B. Bộ máy nhà nước được hoàn thiện, chặt chẽ, tính chuyên chế cao.

C. Đặt cơ sở cho sự hoàn chỉnh bộ máy nhà nước ở giai đoạn sau.

D. Tổ chức còn đơn giản nhưng đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.

Câu 25. Việc đề cao Nho giáo của các nhà nước phong kiến Đại Việt đã **không** dẫn đến hệ quả nào dưới đây?

A. Giữ ổn định trật tự kỷ cương của nhà nước phong kiến.

B. Tạo ra sự bảo thủ, chậm cải cách trước những biến đổi xã hội.

C. Nguy cơ tụt hậu, đứng trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.

D. Tạo điều kiện giao lưu giữa các tôn giáo làm đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 26. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tình hình giáo dục – khoa cử của Đại Việt thời phong kiến?

A. Nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập.

B. Trọng dụng nhân tài, coi “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.

C. Nhà nước chính quy hóa việc thi cử để tuyển chọn nhân tài.

D. Nội dung thi cử thiên về các môn khoa học tự nhiên, kĩ thuật.

**BÀI 16 : CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM**

1. **Nhận biết**

Câu 1. Dân tộc nào chiếm đa số ở Việt Nam?

A. Dân tộc Dao. B. Dân tộc Nùng. C. Dân tộc Kinh. D. Dân tộc Ê-đê.

Câu 2. Căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây để phân chia nhóm các dân tộc ở Việt Nam?

A. Dân số của các dân tộc trên phạm vi lãnh thổ.

B. Thời gian xuất hiện của dân tộc đầu tiên.

C. Thành tích đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

D. Không gian địa lí trên phạm vi lãnh thổ.

Câu 3. Theo đặc điểm để xếp các dân tộc vào cùng một ngữ hệ ở Việt Nam, dân tộc Kinh thuộc ngữ hệ nào dưới đây?

A. Ngữ hệ Nam Á. B. Ngữ hệ Bắc Á. C. Ngữ hệ Đông Á. D. Ngữ hệ Tây Á.

Câu 4. Hoạt động sản xuất chính trong nông nghiệp của dân tộc Kinh ở Việt Nam là
 A. trồng lúa nước. B. trồng cây lúa mì.

 C. trồng cây lúa mạch. D. trồng cây lúa nương.

Câu 5. Những nghề thủ công ra đời sớm, phát triển mạnh ở hầu hết các dân tộc ở nước ta là

A. nghề dệt và nghề đan.

B. nghề rèn, đúc và nghề mộc.

C. nghề gốm và nghề rèn đúc.

D. nghề gốm và làm đồ trang sức.

Câu 6. Tín ngưỡng tôn giáo sau đây được người Việt tiếp thu từ bên ngoài?

A. Thờ Phật. B. Thờ anh hùng dân tộc.

C. Thờ ông Thành hoàng. D. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 7. Khăn Piêu là một sản phẩm thổ cẩm nổi tiếng của dân tộc nào?

A. Dân tộc Lô Lô.

B. Dân tộc Thái.

C. Dân tộc Hà Nhì.

D. Dân tộc H’mông.

Câu 8. Đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu cư trú trong các

A. nhà sàn dựng từ gỗ.

B. nhà trệt lợp mái lá.

C. nhà nửa lầu nửa trệt.

D. nhà mái bằng xây từ gạch.

**b) Thông hiểu**

Câu 9. Yếu tố nào không phải là đặc điểm trong hoạt động sản xuất chủ yếu của tộc người Kinh?

A. Trồng lúa trên ruộng bậc thang.

B. Phát triển nuôi trồng thủy - hải sản.

C. Thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt.

D. Trồng lúa và cây lương thực khác.

Câu 10. Sản xuất nông nghiệp của người Kinh và các dân tộc thiểu số có điểm gì giống nhau?

A. Đều phát triển nông nghiệp với đặc trưng là trồng lúa…

B. Chủ yếu là trồng lúa nương, ngô, khoai, sắn, cây ăn quả…

C. Phát triển đánh bắt thủy – hải sản. Ít chú trọng nuôi thủy hải sản…

D. Chủ yếu là trồng lúa nước, bên cạnh đó trồng cả sắn, ngô, củ quả…

Câu 11. Tín ngưỡng phổ biến và tiêu biểu nhất của người Việt là:

A. thờ cúng tổ tiên. B. thờ Thần linh. C. thờ phồn thực. D. thờ cúng Phật.

**c) Vận dụng**

Câu 12. Vì sao các dân tộc thiểu số ở nước ta trước đây chủ yếu đi lại, vận chuyển là đi bộ và vận chuyển đồ bằng gùi?

A. Do sống chủ yếu ở miền núi dốc, hẹp.

B. Do sống chủ yếu ở vùng đồng bằng nhiều sông, kênh.

C. Do nhu cầu vận chuyển đồ đạt ngày càng nhiều.

D. Do lúc bấy giờ phương tiện xe và thuyền chưa xuất hiện.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây phản ánh không đúng về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?

A. Ngày càng phong phú, đa dạng.

B. Có nét độc đáo riêng của từng tộc người.

C. Đơn điệu, nhàm chán, không có bản sắc riêng.

D. Mang tính thống nhất trong sự đa dạng.

Câu 14. Đồng bào dân tộc thiểu số ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam thường canh tác theo hình thức ruộng bậc thang, vì họ

A. cư trú ở các đồng bằng ven sông.

B. sinh sống ở vùng địa hình cao, dốc.

C. không biết làm nông nghiệp trồng lúa nước.

D. chủ yếu trồng các loại cây: ngô, khoai, sắn

Câu 15. Hoạt động tín ngưỡng nào trở thành truyền thống, nét đẹp văn hóa và là sợi dây kết dính các thành viên trong gia đình, dòng họ?

A. Thờ cúng tổ tiên

B. Thờ anh hùng dân tộc

C. Thờ ông Thần Tài – Thổ Địa

D. Thờ Phật, thờ Thánh

Câu 16. Nhận xét nào dưới đây là đúng về vị trí của ngành nông nghiệp trồng lúa nước ở nước ta hiện nay?

A. Không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

B. Là nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới, chiếm hơn 25% thị phần toàn cầu.

C. Là nước đứng đầu về sản lượng lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á.

D. Là mặt hàng nông-lâm-thủy sản có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất.

**BÀI 17 : KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**a) Nhận biết**

Câu 1. Nhân tố quan trọng nào sau đây quyết định sự thành công của các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam trong lịch sử?

A. Khối Đại đoàn kết dân tộc.

B. Tinh thần đấu tranh anh dũng.

C. Nghệ thuật quân sự độc đáo.

D. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?

A. Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.

B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

C. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng địa phương.

D. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.

Câu 3. Khối đoàn kết dân tộc Việt Nam đã được hình thành từ khi nào?

A. Từ thời dựng nước Văn Lang – Âu Lạc.

B. Từ khi thắng lợi 1000 năm Bắc thuộc.

C. Từ khi giành được nền độc lập tự chủ.

D. Từ khi giặc phương Bắc sang xâm lược.

Câu 4. Một trong những cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam là từ yêu cầu

A. giúp đỡ, chia sẻ nhau trong trong cuộc sống.

B. tập hợp lực lượng đấu tranh chống ngoại xâm.

C. tập hợp chống thú dữ khi cuộc sống còn sơ khai.

D. chế tạo công cụ lao động trong sinh hoạt hàng ngày.

Câu 5. Nhân tố nào sau đây quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng phát triển, bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam.

B. Sự liên kết chặt chẽ của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

C. Khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố và mở rộng.

D. Ý thức xây của toàn dân tham gia đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 6. Khối Đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam được thể hiện tập trung trong Mặt trận nào sau đây?

A. Măt trận nhân dân thống nhất Việt Nam.

B. Mặt trận dân chủ thống nhất Việt Nam.

C. Mặt trận dân tộc dân chủ Việt Nam.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam.

Câu 7. Trong lịch sử dựng nước và giử nước của Việt Nam, khối Đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào?

A. Rất quan trọng. B. Đặc biệt quan trọng.

C. Tương đối quan trọng D. Tương đối đặc biệt.

Câu 8. Nguyên tắc nào sau đây là quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển khối Đại đoàn kết dân tộc?

A. Đoàn kết, bình đẳng và tương trợ cùng phát triển.

B. Bình đẳng, hợp tác và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

C. Đoàn kết, giúp đỡ nhau để vượt qua mọi khó khăn.

D. Hợp tác, tương trợ và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

**b) Thông hiểu**

Câu 9. Nhà nước chủ trương phát triển kinh tế miền núi, vùng dân tộc thiểu số để khắc phục vấn đề nào sau đây?

A. Chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc.

B. Tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm.

C. Tình trạng lạc hậu về khoa học kỹ thuật.

D. Cơ sở hạ tầng phát triển không đồng bộ.

Câu 10. Sức mạnh nào góp phần quyết định giúp dân tộc Việt Nam giành được những thắng lợi lớn trong công cuộc chống ngoại xâm?

A. Nghệ thuật quân sự độc đáo.

B. Khối Đại đoàn kết dân tộc.

C. Tinh thần đấu tranh anh dũng.

D. Truyền thống yêu nước.

Câu 11. Nội dung nào sau đây được quán triệt trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhằm xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc?

A. Bình đẳng, hợp tác và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

B. Đoàn kết, giúp đỡ nhau để vượt qua mọi khó khăn.

C. Hợp tác, tương trợ và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

D. Đoàn kết, bình đẳng và tương trợ cùng phát triển.

Câu 12. Lĩnh vực nào sau đây *không* phải là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam?

A. Kinh tế. B. Văn hóa. C. Xã hội. D. Ngoại giao.

Câu 13. Yếu nào sau đây là nội dung bao trùm trong chính sách văn hóa dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay?

A. Xây dựng nền văn hóa theo từng đặc điểm của vùng miền.

B. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

C. Xây dựng nền văn hóa trên nên nền tảng dân tộc Kinh.

D. Xây dựng nền văn hóa hài hòa trên nền tảng nhiều dân tộc.

**c) Vận dụng**

Câu 14. Nội dung nào sau đây *không* phải quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách dân tộc hiện nay?

A. Nghiêm cấm nọi hành vi kỳ thị và chia rẽ các dân tộc.

B. Các dân tộc có quyền dùng chữ viết và tiếng nói riêng.

C. Các dân tôc tộc có quyền gìn giữ bản sắc dân tộc mình.

D. Nghiêm cấm mọi hình thức tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng.

Câu 15. “*Các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ cao hay thấp đều ngang nhau về quyền lợi và nghĩa vụ”.* Nhận định này thuộc nguyên tắc nào của chính sách dân tộc?

A. Tương trợ. B. Bình đẳng. C. Đoàn kết. D. Nhất quán.

Câu 16. Hiện nay cơ quan nào giữ vai trò cao nhất tập trung khối Đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam trong mặt trận thống nhất?

A. Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất.

B. Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ.

C. Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.

D. Mặt Trận Dân Chủ Việt Nam.

Câu 17. Truyện cổ tích nào sau đây kể về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước Việt Nam?

A. Con Rồng Cháu Tiên. B. Quả Bầu Mẹ.

C. Lạc Long Quân và Âu Cơ. D. Sự tích Trầu Cau.

Câu 18. Ngày nay sức mạnh của khối Đại đòan kết dân tộc tiếp tục được phát huy cao độ và trở thành nhân tố nào sau đây?

A. Động lực của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

B. Nền tảng trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

C. Cơ sở để phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đất nước.

D. Tiền để của công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập.